

Số: 745 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 13 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
dự án “Khu đô thị trung tâm thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 423/TTr-TNMT ngày 10/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khu đô thị trung tâm thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang” (sau đây gọi là dự án) của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

¹ Thành lập theo Quyết định số 506/QĐ-TNMT ngày 09/6/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND huyện Lạng Giang; UBND thị trấn Vôi; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Lưu: VT, MT. Toàn

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN
“KHU ĐÔ THỊ TRUNG TÂM THỊ TRẤN VÔI, HUYỆN LẠNG GIANG”**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu đô thị trung tâm thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang.
- Địa điểm thực hiện: Thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
- Chủ dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại phía Tây Nam thị trấn Vôi bao quanh khu dân cư hiện trạng thôn Tân Thành (xóm Rừng Vàng), thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Quy mô của dự án: Đầu tư xây dựng đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật theo đồ án chi tiết quy hoạch được phê duyệt của Khu đô thị trung tâm thị trấn Vôi, với diện tích khoảng 9,99 ha, gồm các hạng mục: San nền, đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, hệ thống cấp nước, cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc, khuôn viên cây xanh, bãi đỗ xe và các hạng mục phụ trợ khác...

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: San nền, đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, hệ thống cấp nước, cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc, khuôn viên cây xanh, bãi đỗ xe và các hạng mục phụ trợ khác...

- Hoạt động của dự án đầu tư

+ Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

+ Hoạt động vận hành dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng sang các mục đích khác năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang thì tổng diện tích thu hồi đất để thực hiện dự án “Khu đô thị trung tâm thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang” khoảng 100.000 m², trong đó diện tích đất lúa khoảng 90.000 m².

- Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Khu đô thị trung tâm thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang” thì tổng diện tích khu đất thực hiện dự án khoảng 9,99 ha, trong đó diện tích đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa khoảng 9 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Việc chiếm dụng đất: Dự án chiếm dụng khoảng 9,0 ha đất trồng lúa.
- Hoạt động giải phóng mặt bằng: Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng như phát quang thực vật, phá dỡ các công trình hiện trạng (bóc dỡ đường bê tông hiện trạng dài 656m rộng 3,5m, bóc dỡ mương hiện trạng dài 600 m),...
- Hoạt động san nền, thi công, xây dựng các hạng mục công trình; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; từ quá trình vận chuyển đất san nền, nguyên vật liệu xây dựng; từ quá trình vận chuyển phế thải, tháo dỡ công trình hiện trạng; từ quá trình hoạt động của máy móc, thiết bị thi công; từ hoạt động tập kết, bóc dỡ nguyên vật liệu xây dựng; từ công đoạn hàn; từ hoạt động làm đường, trải bê tông nhựa, cấp phối đá dăm; từ vệ sinh công trình sau khi thi công.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường; nước thải từ hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; từ hoạt động phát quang thảm thực vật, phá dỡ các công trình hiện trạng; chất thải rắn xây dựng thông thường; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng.

- Sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy nổ, chập điện, thiên tai, sự cố về kênh mương tưới tiêu, ...

2.2. Giai đoạn vận hành dự án

- Phát sinh bụi, khí thải của từ quá trình đun nấu, máy điều hòa nhiệt độ; từ phương tiện giao thông; từ khu tập kết rác thải; từ trạm xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân, từ các công trình xã hội trên khu vực dự án; từ khu dân cư hiện trạng xóm Rừng Vàng, thôn Tân Thành, thị trấn Vôi.

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án cuốn theo các chất bẩn vào nguồn tiếp nhận.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ sinh hoạt của dân cư trong khu vực dự án, từ quá trình bảo dưỡng, duy tu công trình hạ tầng kỹ thuật, xây dựng các công trình thứ cấp; bùn thải từ bể tự hoại, trạm xử lý nước thải tập trung.

- Chất thải nguy hại (như: gang tay, giẻ lau nhiễm thành phần chất thải nguy hại, pin hỏng, linh kiện điện tử hỏng,...).

- Sự cố tai nạn giao thông, sự cố cháy nổ, sự cố sụt lún, sự cố bão lũ, ngập úng, sét, sự cố trạm xử lý nước thải tập trung...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải:

- Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân khoảng 3,0 m³/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD₅, NH₄⁺, Phot phat, chất hoạt động bề mặt...

- Nước thải thi công phát sinh từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị, rửa xe... khoảng 10 m³/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, tổng N, tổng P, tổng dầu mỡ khoáng ...

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực dự án cuốn đất, dầu mỡ xuống cống thoát nước xung quanh gây bồi lắng hệ thống thoát nước trong khu vực, với thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), COD...

* Bụi, khí thải:

- Bụi phát sinh từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng dự án; từ quá trình tập kết, bốc dỡ nguyên vật liệu xây dựng; từ quá trình cấp phối đá dăm; từ quá trình vệ sinh công trường sau thi công, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, đổ phế thải; từ hoạt động máy móc thiết bị thi công; từ quá trình làm đường, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, SO₂, NO_x, CO,...

- Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn, với thông số ô nhiễm đặc trưng là khói hàn, CO, NO_x,...

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân xây dựng khoảng 15 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động thi công, xây dựng:

+ Chất thải phát sinh từ hoạt động phát quang thực vật với khối lượng khoảng 45 tấn, với thành phần chủ yếu là sinh khối của cây hàng năm như lúa, hoa màu...

+ Chất thải phát sinh từ quá trình phá dỡ, di dời các công trình hiện trạng trên đất (phá dỡ 01 nhà tạm; phá dỡ đường bê tông 656m, rộng 3,5m; mương xây dài 600m, kích thước (0,5x0,7)m) với tổng khối lượng phá dỡ khoảng 1.383,5 tấn, với thành phần chủ yếu là bê tông, gạch vỡ, đá, xi măng,...

+ Đất nạo vét hữu cơ, đào móng công trình, hệ thống thu gom nước mưa, nước thải phát sinh với tổng khối lượng khoảng 25.792 m³.

+ Chất thải rắn xây dựng (gồm: chất thải của vật liệu thừa, gạch đá xây dựng, nguyên vật liệu rơi vãi, phế thải, vỏ bao bì, thùng gỗ,...) khoảng 52 tấn trong cả quá trình thi công, tương đương với 0,14 tấn/ngày.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng (như: Giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại; thùng, can đựng dầu diesel và mỡ bôi trơn; bóng đèn huỳnh quang hỏng; thùng sơn thải...) khoảng 96 kg/năm, tương đương với 08 kg/tháng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công, xây dựng; từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động lên kinh tế xã hội khu vực: tác động đến dân cư dọc theo tuyến đường vận chuyển và dân cư hiện trạng, tác động đến sự tham gia giao thông của người dân địa phương, tác động đến cảnh quan địa hình, hệ sinh thái...

- Tác động do sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ, chập điện; sự cố ngập úng, bồi lắng, trượt, sụt lở, xói mòn; các rủi ro về thiên tai, sự cố liên quan tới kênh mương tưới tiêu, thoát nước; sự cố về an toàn thực phẩm; sự cố nổ bom mìn tồn lưu trong đất...

3.2. Giai đoạn vận hành dự án

3.2.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân, từ các công trình xã hội trong phạm vi dự án phát sinh khoảng 329,844 m³/ngày đêm. Nước thải sinh hoạt của khu dân cư hiện trạng xóm Rừng Vàng, thôn Tân Thành, thị trấn Vôi khoảng 26,496 m³/ngày đêm. Tổng lượng nước thải dự án tiếp nhận là 356,34 m³/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ động thực vật, Amoni, Tổng Coliforms...

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án cuốn theo các đất, cát, chất lơ lửng vào nguồn tiếp nhận.

* Bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông, từ hoạt động đun nấu, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO₂, SO₂...;

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy điều hòa nhiệt độ.

- Mùi hôi từ khu tập kết rác thải tập trung, từ hố ga, trạm xử lý nước thải tập trung.

3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

* Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt từ các hộ dân phát sinh khoảng 805,5 kg/ngày.

- Chất thải rắn từ quá trình bảo dưỡng, duy tu công trình kỹ thuật:

+ Nạo vét bùn cặn tại cống, rãnh thoát nước mưa, hố ga thoát nước thải: 6,75 m³/năm.

+ Cành cây chặt bỏ: 10 m³/năm.

- Bùn thải từ bể tự hoại phát sinh khoảng 68 tấn/năm. Bùn thải từ trạm xử lý nước thải tập trung phát sinh khoảng 16,58 tấn/năm.

* Chất thải nguy hại phát sinh từ dự án (bao gồm: Gang tay, giẻ lau dính thành phần nguy hại từ quá trình bảo dưỡng, dầu thải, pin thải, linh kiện điện tử hỏng ...) khoảng 144,9 kg/tháng.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông đi lại trong dự án là rất thấp, hầu như không đáng kể.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế xã hội khu vực; tác động đến an ninh trật tự...

- Tác động do sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; sự cố bão lụt; sự cố hệ thống trạm xử lý nước thải tập trung; sự cố đường ống thu gom, thoát nước thải; sự cố trạm biến áp; sự cố ảnh hưởng đến kênh tưới tiêu sản xuất nông nghiệp...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt:

Trang bị 01 nhà vệ sinh di động có dung tích bể chứa chất thải khoảng 5m³. Đồng thời, Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bể chứa chất thải mang đi xử lý theo quy định (tần suất khoảng 01 lần/tháng hoặc khi bể chứa đầy).

- Nước mưa chảy tràn:

+ Vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa tạm thời phải đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng và không làm ảnh hưởng đến khả năng thoát thải của các khu vực bên ngoài dự án.

+ Bố trí rãnh thoát nước mưa tạm thời với tổng chiều dài 870m, chiều rộng 0,6m, chiều sâu 0,8m, chia làm 2 tuyến: Tuyến thứ nhất dài 559m chạy dọc theo khu dân cư hiện trạng khu dân cư xóm Rừng Vàng, thôn Tân Thành dẫn về phía Đông Bắc dự án; Tuyến thứ 2 dài 311m chạy theo danh giới dự án từ phía Nam lên phía Đông Bắc của dự án, cả 2 tuyến cuối cùng thoát ra mương hiện trạng phía Tây Bắc dự án.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông, không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn.

- Nước thải thi công:

+ Sử dụng tỷ lệ nước phối trộn vật liệu vừa đủ, hạn chế rò rỉ nước ra ngoài môi trường, đồng thời tiết kiệm nguồn nước.

+ Bố trí 2-3 thùng chứa nước dung tích 200 lít để rửa dụng cụ xây dựng, sau đó nước này tận dụng cho phối trộn vật liệu xây dựng, đập bụi, không xả thải ra môi trường.

+ Nước thải từ khu vực rửa xe: Bố trí 01 bể tách dầu dung tích 03 m³ thu gom toàn bộ nước thải dính dầu mỡ để lắng cặn, lọc dầu mỡ. Nước thải sau khi lắng cặn được tái sử dụng cho việc trộn vữa, bê tông, tưới ẩm...không thải bỏ. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom cặn lắng mang đi xử lý theo quy định (tần suất 01 tháng/lần).

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Trang bị xe phun nước có bồn chứa dung tích 5m³. Thực hiện phun nước tưới ẩm thường xuyên trên công trường (từ hoạt động đào đắp, san nền, cấp phối đá dăm), tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu (quãng đường phun nước trong phạm vi khoảng 01km tính từ khu vực dự án) tần suất 4 lần/ngày và tăng lên 5-6 lần/ngày vào các ngày có nắng nóng, gió mạnh.

- Phương tiện vận chuyển phải được phủ bạt kín, hạn chế, không để đất, đá rơi vãi xuống đường.

- Xung quanh khu vực thi công được dựng hàng rào bằng tôn cao 2 - 3m hạn chế bụi phát tán từ quá trình thi công xây dựng.

- Bố trí cầu rửa xe ở cổng ra vào dự án, xe ô tô được rửa sạch bánh xe, gầm xe trước khi ra khỏi dự án.

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động (như: găng tay, mũ bảo hộ, kính mắt, khẩu trang...) cho công nhân làm việc tại công trường, đồng thời nhắc nhở yêu cầu công nhân sử dụng.

- Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị thi công đảm bảo hoạt động trạng thái tốt nhất, hạn chế tiếng ồn, độ rung và khói thải ở mức thấp nhất.

- Trong quá trình hàn cắt kim loại che chắn bằng các vật liệu không cháy hoặc di chuyển các vật liệu dễ cháy ra khỏi khu vực hàn cắt (tối thiểu 10m). Không để vảy hàn có nhiệt độ cao tiếp xúc với các vật liệu dễ cháy, phải có biện pháp an toàn phòng cháy chữa cháy và phương án xử lý cháy, nổ.

- Trong quá trình làm đường nội bộ:

+ Thi công thổi bụi xuôi theo hướng gió và đúng kỹ thuật để giảm tối đa khả năng phát tán bụi ra xa, thổi từ từ, tưới nước khoanh vùng để hạn chế bụi khuếch tán. Bố trí xe hút bụi công nghiệp để thu gom bụi từ trải asphalt và đá dăm.

+ Trước khi thi công tưới ẩm nhiều lần cho tầng móng. Trước khi trải lớp bê tông nhựa nóng thực hiện làm sạch, bằng phẳng và làm khô lớp móng, tưới nhựa thấm bám trên lớp móng trước khi tiến hành trải lớp bê tông nhựa nóng.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt:

Trang bị 04 thùng chứa dung tích 200 lít/thùng tại lán trại của công nhân. Đồng thời, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định hàng ngày.

- Chất thải từ quá trình phát quang thảm thực vật:

+ Chất thải từ quá trình phát quang thực vật (như: cây ăn quả cỏ, cây bụi) phát sinh khoảng 45 tấn, một phần khoảng 36 tấn cho người dân có đất thu hoạch tận dụng, phần còn lại khoảng 9 tấn không tận dụng được, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Chất thải từ quá trình phá dỡ các công trình hiện trạng (đường bê tông, mương xây hiện trạng, nhà tạm) khoảng 1.383,5 tấn. Chủ dự án thu gom, đổ thải tại bãi thải Dốc Ao Hồ, thôn Tê, xã Tân Thanh thuộc UBND xã Tân Thanh quản lý. Vị trí đổ thải có diện tích 2.000m², chiều cao đổ thải 4m, khoảng cách đến dự án khoảng 7,2km. *(Có biên bản thỏa thuận thống nhất vị trí đổ thải giữa chủ dự án với UBND xã Tân Thanh ngày 16/5/2023).*

+ Đất hữu cơ bóc bề mặt, đất đào móng công trình, hệ thống thoát nước... khoảng 25.792 m³, trong đó: đất bóc hữu cơ từ quá trình thi công nền đường khoảng 1.047 m³ được bổ sung cho khu vực trồng cây xanh trong phạm vi dự án; đất đào nền, đào móng công trình từ quá trình thi công trạm xử lý nước thải, hệ thống thoát nước mưa, nước thải,... khoảng 24.745 m³ được tận dụng để đắp móng công trình, san lấp mặt bằng khu vực trồng tại dự án. Trước khi tận dụng đất dư thừa này để san lấp mặt bằng dự án, Chủ dự án phải thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

+ Chất thải rắn xây dựng phát sinh khoảng 52 tấn trong cả quá trình thi công, tương đương 0,14 tấn/ngày được phân loại và xử lý như sau: Đối với chất thải rắn xây dựng có thành phần tái chế (như: đầu mẫu sắt thép, bao bì carton, nilon, ...) được thu gom, phân loại và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu. Đối với chất thải rắn xây dựng có thành phần chất trơ (như: vữa thừa, gạch vỡ...) được thu gom đổ thải cùng phế thải phá dỡ tại bãi thải Dốc Ao Hồ, thôn Tê, xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí 05 thùng nhựa có nắp đậy, loại 120 lít/thùng để lưu chứa chất thải nguy hại, được dán nhãn chất thải nguy hại theo quy định.

- Bố trí kho chứa chất thải nguy hại diện tích 4 m² có biển báo kho chứa chất thải nguy hại theo đúng quy định.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định (tần suất 06 tháng/lần).

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Hạn chế thi công vào giờ cao điểm, giờ nghỉ ngơi.

- Không sử dụng các thiết bị máy móc cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao.
- Thường xuyên kiểm tra, duy tu bảo dưỡng máy móc, thiết bị đảm bảo hoạt động hiệu quả.
- Lựa chọn các thiết bị có tiếng ồn thấp, kiểm tra sự cân bằng của các máy móc, thiết bị. Kiểm tra độ mòn chi tiết và cho dầu bôi trơn thường kỳ.
- Giám sát ô nhiễm tiếng ồn trong thi công, công tác giám sát được thực hiện tại các khu vực, thời điểm nhạy cảm.
- Trang bị cho công nhân các phương tiện bảo hộ lao động để chống ồn, đảm bảo sức khỏe cho công nhân.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Bố trí phương tiện thi công ra vào khu vực thi công hợp lý, có cán bộ hướng dẫn, chỉ huy, giám sát hoạt động của các phương tiện thi công.
- Trang bị các dụng cụ, bảo hộ lao động để hạn chế các rủi ro tai nạn lao động có khả năng xảy ra, ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động.
- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét các mương thoát nước tạm xung quanh khu vực dự án để hạn chế tắc nghẽn hệ thống thoát nước.
- Hoàn trả kênh mương hiện trạng bằng hệ thống cống D600 và mương xây B600 có tổng chiều dài 610m, chạy xung quanh khu dân cư hiện trạng thôn Tân Thành, thị trấn Vôi (theo hướng mương cũ) kết hợp với hố ga để dẫn nước chảy về phía Bắc của dự án, sau đó dẫn tới điểm cuối hoàn trả nằm ở phía Đông Nam của dự án.

4.2. Giai đoạn vận hành dự án

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.2.1.1. Công trình và biện pháp thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt:
 - + Nước thải sinh hoạt của các hộ dân và công trình xã hội, công trình thương mại trong khu vực dự án được xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn rồi thu về cống rãnh thu gom nước thải B300, D300 tổng chiều dài 1.634m, dọc tuyến bố trí các hố ga cách nhau 30-40m. Nước thải được đưa về trạm xử lý nước thải tập trung (công suất 360 m³/ngày đêm) đặt ở khu đất kỹ thuật của dự án.
 - + Nước thải sinh hoạt của khu dân cư xóm Rừng Vàng, thôn Tân Thành, thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang được thu gom bằng hệ thống rãnh B500 dài 467 m dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung (công suất 360 m³/ngày đêm) để xử lý cùng nước thải phát sinh từ các hộ dân và công trình xã hội trong phạm vi dự án.
 - + Nước thải sau khi xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung (công suất 360 m³/ngày đêm) đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt), chảy vào hệ thống thoát nước mưa, sau đó thoát về phía Tây Bắc của dự án, rồi chảy vào tuyến cống BTCT D2000 theo ống D1200 thoát ra kênh nhánh 4 của kênh tiêu Ngòi Thảo, vị trí xả thải cách kênh tiêu Ngòi Thảo

tại K8+100 khoảng 800m (theo Công văn số 449/BST-QLCT ngày 07/7/2023 của Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Sông Thương về việc tham vấn xả nước thải vào kênh tiêu Ngòi Thảo thuộc dự án: Khu đô thị trung tâm thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang).

Sau khi quy hoạch chung của thị trấn Vôi hoàn thiện, dự án sẽ thực hiện đầu nối theo quy hoạch thoát nước thải của khu vực được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Nước mưa chảy tràn: Toàn bộ khu vực dự án được chia thành 2 lưu vực thoát nước mưa chảy tràn:

+ Lưu vực 1: Phía Tây Bắc dự án được thoát vào cống D2000 theo quy hoạch chung thị trấn Vôi. Trong thời gian quy hoạch chưa được đồng bộ nên nước mưa chảy tràn của dự án thoát vào 2 cống D1500, D1200 hiện trạng rồi thoát ra kênh nhánh 4 của kênh tiêu Ngòi Thảo.

+ Lưu vực 2: Phía Nam dự án thoát vào hệ thống cống theo quy hoạch thuộc Khu đô thị Phú Thành. Trong thời gian chờ quy hoạch đồng bộ nước mưa của dự án được thu gom vào mương đất dẫn dòng chảy về phía Tây Nam của dự án và thoát ra mương hiện trạng.

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Trồng cây xanh, thảm cỏ, vườn hoa trong khuôn viên để hạn chế ô nhiễm không khí.

- Sử dụng nguồn nhiên liệu sạch như gas, điện trong quá trình đun nấu. Khuyến khích lắp đặt hệ thống chụp hút khói đang được sử dụng rất phổ biến.

- Hệ thống điều hòa nhiệt độ được lắp đặt tại vị trí hợp lý theo thiết kế, đảm bảo không phát tán nhiệt dư gây ô nhiễm nhiệt cục bộ. Khuyến khích các hộ dân sử dụng lắp đặt các loại điều hòa theo công nghệ mới, tiết kiệm điện năng thân thiện môi trường để hạn chế phát thải CFC.

- Đơn vị vệ sinh môi trường có chức năng hàng ngày thu gom và xử lý triệt để lượng chất thải rắn phát sinh từ đường xá, cống rãnh, các khu vực công cộng, các hộ dân để giảm thiểu khả năng phân huỷ hữu cơ làm phát sinh các khí thải có mùi hôi gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Định kỳ 06 tháng/lần, đơn vị quản lý vận hành dự án thực hiện nạo vét, thu gom và xử lý triệt để lượng chất thải từ các cống rãnh, các khu vực công cộng.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Đơn vị quản lý vận hành dự án có trách nhiệm bố trí các thùng rác 150-300 lít/thùng có nắp đậy kín, dọc theo các tuyến giao thông, khoảng cách giữa các vị trí đặt thùng rác khoảng 50 m, thuận tiện cho người dân đổ rác. Ở mỗi vị trí đặt thùng rác đặt 02 thùng màu khác nhau với mục đích phân loại rác ngay tại nguồn.

+ Đơn vị vệ sinh môi trường địa phương thực hiện các hoạt động thu gom rác thải từ các hộ dân, công trình xã hội, công trình thương mại về ga tập kết rác thải diện tích 150m² trên khu đất hạ tầng kỹ thuật. Ga rác thiết kế nền xi măng, có tường vây bao quanh, xung quanh ga trồng dải cây xanh cách ly 10m, vị trí của ga rác cách 20m so với các đối tượng lân cận.

- Bùn thải bề tự hoại, trạm xử lý nước thải: các hộ dân, đơn vị quản lý công trình thương mại, xã hội và đơn vị quản lý vận hành dự án có trách nhiệm quản lý, thu gom xử lý bùn thải phát sinh.

- Chất thải rắn từ quá trình duy tu bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật thuộc trách nhiệm của đơn vị quản lý vận hành dự án.

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại từ các hộ dân, công trình hạ tầng xã hội, công trình thương mại, trạm xử lý nước thải tập trung: các hộ dân, đơn vị quản lý công trình thương mại, xã hội và đơn vị quản lý vận hành dự án có trách nhiệm tự thu gom, phân loại, quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng trạm biến áp thuộc trách nhiệm đơn vị quản lý vận hành trạm biến áp.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Khu vực dự án được bố trí trồng cây xanh tại khu đất cây xanh theo đúng quy hoạch và dọc 2 bên đường giao thông. Cây xanh được trồng có tác dụng hấp thu tiếng ồn, chặn sự phát tán ra xa khu vực dự án.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện phân chia làn đường, kẻ vạch đường chỉ dẫn, lắp biển báo giao thông, bật đèn đường chiếu sáng vào ban đêm.

- Bố trí đường ống cấp nước chữa cháy theo quy hoạch được phê duyệt.

- Tuân thủ và thực hiện đầy đủ các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình thuộc phạm vi quản lý.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.

- Lắp đặt hệ thống thu lôi chống sét tại các khu vực có khả năng bị sét đánh.

- Thiết lập mạng tiếp đất an toàn, mạng tiếp đất của hệ thống thu sét gồm các dây chôn chìm trong đất được liên kết hàn với các cọc tiếp đất đóng sâu vào lòng đất, đảm bảo điện trở an toàn theo quy phạm.

- Trang bị máy phát điện dự phòng đảm bảo hoạt động của các phụ tải điện tránh hiện tượng trạm xử lý nước thải ngừng hoạt động.

- Đường ống dẫn nước thải được thường xuyên kiểm tra, theo dõi. Khi phát hiện đường ống bị hỏng, vỡ phải tiến hành lắp đặt, thay thế ống mới kịp thời.

- Bảo dưỡng, nạo vét định kỳ trạm xử lý nước thải, bổ sung hóa chất kịp thời để đảm bảo hiệu quả xử lý của các bể.

- Khu vực đặt trạm biến áp phải có hàng rào bảo vệ, đặt biển cảnh báo nguy hiểm không cho người dân và động vật đến gần.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng (thuộc trách nhiệm của Chủ dự án)

** Không khí xung quanh:*

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực đang thi công xây dựng.
- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, độ rung, tiếng ồn, bụi lơ lửng tổng số (TSP), SO₂, NO₂, CO.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của Chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công và chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường;

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật hiện hành khác trong quá trình thực hiện dự án.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 423/TTr-TNMT ngày 10/7/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án./.